

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NGÀNH GDĐT HUYỆN BẮC TRÀ MY NĂM 2024

DANH SÁCH GHI ĐIỂM KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN BẮC TRÀ MY NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số #sovb/TB-HĐTDVC ngày #nbh/5/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đôi tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm							Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
01	0332	Lê Thị Bé	03	5	1985	Tam Kỳ, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	THCS Nguyễn Du	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	58,2			58,2	
02	0333	AGiêng Thị Bing	02	6	1992	Tây Giang, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	PTDTBT Tiểu học Trà Giáp	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	62,3		5,0	67,3	
03	0334	Bling Thị Bón	18	5	1996	Tây Giang, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	THCS Nguyễn Du	THCS Nguyễn Huệ	73,8		5,0	78,8	Trúng tuyển
04	0335	Trần Thị Diễm	15	10	1990	TP Bắc Kạn, Bắc Kạn	Nhân viên Văn thư		15	THCS Phương Đông	Tiểu học Trần Quốc Toàn	50,8			50,8	
05	0336	Hồ Thanh Dung	04	4	1989	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	THCS Nguyễn Du	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	53,1		5,0	58,1	
06	0337	Phạm Thị Thu Hà	05	9	1990	Quế Sơn, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	Tiểu học Trần Quốc Toàn	THCS Huỳnh Thúc Kháng	80,5			80,5	
07	0338	Võ Thị Thuý Hằng	01	01	1990	Thăng Bình, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	THCS Nguyễn Du	Tiểu học Trần Quốc Toàn	63,5			63,5	
08	0339	Trần Thị Hằng	06	4	1985	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	57,0			57,0	
09	0340	Nguyễn Thị Hạnh	23	3	1992	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	Tiểu học Trần Quốc Toàn	THCS Huỳnh Thúc Kháng				0,0	Vắng thi
10	0341	Đinh Thị Thu Hiền	24	10	1985	Nam Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	PTDTBT Tiểu học Trần Cao Vân	73,5		5,0	78,5	
11	0342	Lê Thị Hiếu	10	6	1991	Phú Ninh - Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	PTDTBT Tiểu học Trà Giáp	Tiểu học Trần Quốc Toàn	84,2			84,2	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/ chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
12	0343	Trần Thị Hoa	20	12	1988	Điện Bàn, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	THCS Nguyễn Huệ	64,7			64,7	
13	0344	Nguyễn Thị Hoan	23	3	1986	Nam Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	PTDTBT Tiểu học Trần Cao Vân	PTDTBT Tiểu học Trà Giáp	76,0		5,0	81,0	Trúng tuyển (DTTS)
14	0345	Rah Lan H' HRư	26	8	1988	Chư Sê, Gia Lai	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	PTDTBT Tiểu học Trần Cao Vân	65,8		5,0	70,8	
15	0346	Trần Thị Huyền	11	11	1995	Đăk Hà, Kon Tum	Nhân viên Văn thư		15	Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	62,3			62,3	
16	0347	Huỳnh Thị Khoa	27	3	1993	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	THCS Nguyễn Huệ	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	64,0			64,0	
17	0348	Hồ Thị Kiều	01	7	2000	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	38,5		5,0	43,5	
18	0349	Phan Thị Bích Li	10	02	1997	Phú Ninh, Quảng nam	Nhân viên Văn thư		15	Tiểu học Trần Quốc Toàn	THCS Huỳnh Thúc Kháng	27,4			27,4	
19	0350	Phan Thị Trúc Linh	03	3	1998	TP. Hội An, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	THCS Huỳnh Thúc Kháng	THCS Nguyễn Du	72,0			72,0	Trúng tuyển
20	0351	Bùi Thị Lưu Luyến	30	4	1990	Tiên Phước, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	98,5			98,5	Trúng tuyển
21	0352	Giản Thị Trà My	14	02	1992	Thanh Chương, Nghệ An	Nhân viên Văn thư		15	THCS Phương Đông	THCS Huỳnh Thúc Kháng	39,9			39,9	
22	0353	Hôi H Nết	03	6	1989	Nam Giang, Quảng nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	88,8		5,0	93,8	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/ chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
23	0354	Alăng Thị Nga	21	01	1998	Nam Giang, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	PTDTBT Tiểu học Trần Cao Vân	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	52,0		5,0	57,0	
24	0355	Nguyễn Thị Nga	15	01	1988	Núi Thành, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	15	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	PTDTBT Tiểu học Trà Giáp	13,0		5,0	18,0	
25	0356	Trần Duy Nhất	24	10	1985	Thăng Bình, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	THCS Phương Đông	73,0			73,0	Trúng tuyển
26	0357	Trần Thị Nhị	20	7	1984	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		15	THCS Phương Đông	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	66,6			66,6	
27	0358	Phạm Thị Nhỏ	20	8	2000	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	16	PTDTBT Tiểu học Trần Cao Vân	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	64,8		5,0	69,8	
28	0359	Tơ Ngôn Phiên	10	01	1999	Nam Giang, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	16	Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Tiểu học Trần Quốc Toàn	74,0		5,0	79,0	
29	0360	Trần Thị Nhã Phương	27	8	1994	Tiên Phước, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		16	Tiểu học Trần Quốc Toàn	THCS Huỳnh Thúc Kháng	81,8			81,8	Trúng tuyển
30	0361	Nguyễn Thị Thục Quyên	01	9	1996	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		16	THCS Phương Đông	THCS Huỳnh Thúc Kháng	88,5			88,5	Trúng tuyển
31	0362	Nguyễn Thị Sâm	20	8	1991	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	16	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	66,8		5,0	71,8	
32	0363	Đỗ Văn Sỹ	10	11	1986	Nông Công, Thanh Hoá	Nhân viên Văn thư		16	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	THCS Nguyễn Huệ	92,0	95,0		95,0	Trúng tuyển
33	0364	Lê Thị Kim Thảo	20	6	1992	Đại Lộc, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Con Thương binh	16	THCS Nguyễn Huệ	THCS Nguyễn Du	86,5		5,0	91,5	Trúng tuyển
34	0365	Huỳnh Ngọc Thảo	01	01	1991	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		16	THCS Nguyễn Huệ	THCS Phương Đông	79,8			79,8	
35	0366	Trương Phương Thảo	29	6	1995	Thăng Bình, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		16	THCS Nguyễn Du	THCS Nguyễn Huệ	14,0			14,0	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/ chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
36	0367	Aviét Thị Thi	19	4	2000	Tây Giang, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	16	PTDTBT Tiểu học Trà Giáp	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	46,8		5,0	51,8	
37	0368	Ngô Thị Thuận	23	11	1993	Núi Thành, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		16	PTDTBT Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	PTDTBT THCS Lê Hồng Phong	27,5			27,5	
38	0369	Hồ Thị Thuyền	08	10	1990	Bắc Trà My, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Con Bệnh binh	16	PTDTBT Tiểu học Trần Cao Vân	Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	33,0		5,0	38,0	
39	0370	ALăng Tim	17	12	1992	Tây Giang, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	16	PTDTBT Tiểu học Trà Giáp	PTDTBT Tiểu học Trần Cao Vân	10,5		5,0	15,5	
40	0371	Lê Thị Tuyết	07	10	1981	Vĩnh Phúc, Hà Nội	Nhân viên Văn thư		16	THCS Nguyễn Du	THCS Nguyễn Huệ	70,4			70,4	
41	0372	Thái Thị Thảo Vân	27	02	2002	Hiệp Đức, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư		16	THCS Phương Đông	PTDTBT Tiểu học Trà Giáp				0,0	Vắng thi
42	0373	Hiên Thị Ý	25	6	1999	Nam Giang, Quảng Nam	Nhân viên Văn thư	Dân tộc thiểu số	16	PTDTBT Tiểu học Trần Cao Vân	PTDTBT Tiểu học Trà Giáp	63,5		5,0	68,5	